

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TU ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016 - 2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH

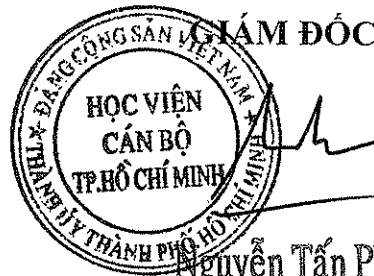
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo cấp bằng đại học thứ hai theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa trúng tuyển từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

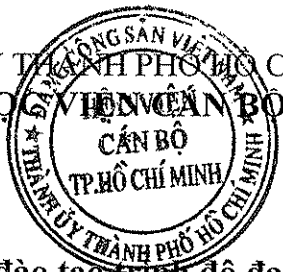
Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị; Trưởng phòng Quản lý đào tạo và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu Học viện Cán bộ. (P.QLĐT)







QUY CHẾ

đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ
tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3A9-QĐ/HVCB, ngày 12 tháng 4. năm 2023
của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: Những quy định chung; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp; điều khoản thi hành.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (Học viện).

Điều 2. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo.

2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện hoặc cơ sở liên kết đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo; cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Văn bằng đại học thứ hai là văn bằng cấp cho những người đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học, sau khi hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo đại học của ngành đào tạo mới, có đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

2. Phương thức đào tạo văn bằng thứ hai bậc đại học của Học viện Cán bộ được tổ chức theo hệ thống tín chỉ, giúp sinh viên tích lũy kiến thức ở các thời điểm thích hợp, phù hợp với năng lực học tập và hoàn cảnh cá nhân; đồng thời yêu cầu sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Tín chỉ học tập (gọi tắt là tín chỉ) là đơn vị dùng để xác định khối lượng học tập của sinh viên tích lũy được từ các học phần. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thảo luận; hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

4. Tín chỉ học phí là đơn vị dùng để lượng hoá chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần, một tín chỉ học phí được quy đổi bằng 15 tiết học.

5. Hình thức dạy học

a) Lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên hoặc qua các lớp trực tuyến.

b) Thực hành: sinh viên học tập qua hình thức thực hành, thực tế, khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

c) Tự học: sinh viên tự học và nghiên cứu theo kế hoạch và nội dung do giảng viên yêu cầu và được kiểm tra đánh giá.

Điều 4. Học phần

1. Học phần là khối lượng kiến thức sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Một học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, trừ một số học phần đặc biệt như thực tập, khóa luận tốt nghiệp có khối lượng lớn hơn. Nội dung của từng học phần phải được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần được gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học.

a) Mỗi học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng, có số tín chỉ cụ thể do Học viện quy định tương ứng với một chương trình đào tạo.

b) Học phần của các chương trình đào tạo khác nhau ở cùng trình độ, có nội dung tương đương và tín chỉ giống nhau sẽ được công nhận như nhau; sinh viên được phép sử dụng chung các học phần này trong quá trình đăng ký học tập.

2. Các loại học phần

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết sinh viên tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết mà sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học theo nguyện vọng. Học phần tự

chọn định hướng: là học phần mà sinh viên lựa chọn các học phần quy định trong chương trình đào tạo của ngành học, theo sự hướng dẫn của Học viện.

c) Học phần tiên quyết là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và tích lũy (thi đạt yêu cầu) mới được tiếp tục học học phần sau.

d) Học phần học trước là học phần mà sinh viên phải học trước và có điểm tổng kết học phần khác điểm 0.

đ) Học phần tương đương là một hay một nhóm các học phần được gọi là tương đương với học phần A của một chương trình đào tạo khi các học phần này có cùng nội dung và thời lượng tương đương với yêu cầu cơ bản nhất của học phần A đó.

e) Học phần song hành: học phần A là học phần song hành của học phần B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký

Điều 5. Học kỳ, năm học

1. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo.

2. Một năm học có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 02-03 tuần thi. Ngoài 02 học kỳ chính, Học viện tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên được đăng ký học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi.

Điều 6. Khoá học, lớp học

1. Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.

2. Mỗi khoá học văn bằng thứ hai theo phương thức đào tạo chính quy được thiết kế tương đương 2,5 năm, gồm 5 học kỳ.

Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học tối đa là 1 học kỳ chính; hoặc được kéo dài thời gian học tối đa là 8 học kỳ.

Mỗi khoá học văn bằng thứ hai theo phương thức đào tạo không chính quy được thiết kế tương đương 3 năm, gồm 6 học kỳ.

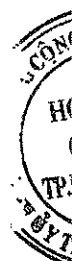
Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học tối đa là 1 học kỳ; hoặc được kéo dài thời gian học tối đa là 10 học kỳ.

Các diện ưu tiên được kéo dài thời gian học tập theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Lớp học được tổ chức cho những sinh viên có cùng nhóm học phần giống nhau hoặc những sinh viên cùng khoá, ngành học để trao đổi học tập, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt đoàn thể.

Có hai loại lớp học:

- Lớp học phần là lớp học ngắn hạn được tổ chức theo từng học phần.



- Lớp khoá học là lớp học cố định được tổ chức theo chuyên ngành và theo từng khoá đào tạo.

Điều 7. Học phí theo học kỳ

Học phí thu theo học kỳ được xác định theo tổng số tiết của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ và mức thu của một tín chỉ học phí được quy định theo từng năm học.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Chương trình đào tạo

1. Chương trình văn bằng thứ hai trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình hệ chính quy theo hình thức tín chỉ, có chú ý đến sự khác biệt trong hình thức đào tạo và đối tượng sinh viên. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở phục vụ chuyên ngành, các học phần bổ trợ và các học phần chuyên nghiệp nhằm cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cần thiết. Chương trình đào tạo đại học văn bằng thứ hai của Học viện được thiết kế tối từ 72 đến 75 tín chỉ theo quy định của từng ngành đào tạo, không bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học.

2. Khung chương trình đào tạo được Khoa chuyên ngành thiết kế, xây dựng và điều chỉnh dựa trên mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và được công bố cho sinh viên vào đầu mỗi năm học. Khung chương trình đào tạo được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thông qua và được Giám đốc Học viện phê duyệt.

3. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra, đảm bảo độ tin cậy và công bằng, được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

4. Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện rõ các nội dung theo quy định hiện hành về xây dựng đề cương chi tiết, do các Khoa chuyên ngành tổ chức biên soạn và giảng viên phụ trách lớp học phần có trách nhiệm phổ biến cho sinh viên ở buổi học đầu tiên.

Điều 9. Số lượng tín chỉ tích lũy tối thiểu và điều kiện xét tốt nghiệp

Trong toàn khoá học sinh viên phải tích lũy tối thiểu từ 72 đến 75 tín chỉ theo quy định của từng ngành đào tạo, không bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học. Để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có các chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo quy định về thực hiện chuẩn đầu ra về tin học, ngoại ngữ chương trình đào tạo đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Sinh viên chính quy trong chương trình học của văn bằng thứ nhất tại Học viện Cán bộ có điểm tích lũy các môn ngoại ngữ và tin học trình độ tương đương

không quá 5 năm tính đến ngày xét tốt nghiệp thì có thể nộp bảng điểm để thay cho chứng chỉ.

Điều 10. Đăng ký nhập học và bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Sau khi trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh hình thức đào tạo văn bằng thứ hai, sinh viên phải đến Học viện làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

2. Nếu có lý do chính đáng (như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn...), thí sinh trúng tuyển có quyền bảo lưu kết quả thi tuyển. Thủ tục xin bảo lưu kết quả trúng tuyển, thí sinh nộp đơn tại phòng Quản lý Đào tạo, sau khi nhận được đơn xin bảo lưu kết quả trúng tuyển phòng Quản lý Đào tạo trình Giám đốc Học viện ký quyết định bảo lưu.

Thời gian bảo lưu kết quả tuyển sinh không quá một học kỳ chính. Khi thí sinh muốn nhập học trở lại phải làm đơn xin nhập học kèm theo quyết định bảo lưu và nộp phòng Quản lý đào tạo trước khi bắt đầu học kỳ mới ít nhất 1 tháng.

Điều 11. Thông báo kế hoạch đào tạo

1. Đầu khoá học, Học viện thông báo cho sinh viên những thông tin về:

- Chương trình đào tạo toàn khoá cho từng ngành học.
- Quy chế học tập và các quy định của Học viện.

2. Đầu mỗi học kỳ, Học viện thông báo cho sinh viên những thông tin về:

- Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.

- Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khoá biểu của các lớp học đó.

Điều 12. Đăng ký khối lượng học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo và Khoa chuyên ngành thông báo thời khoá biểu các học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ. Tùy theo năng lực và điều kiện học tập của từng sinh viên, sinh viên thực hiện đăng ký các học phần sẽ học trong học kỳ với Phòng Quản lý đào tạo.

Số tín chỉ đăng ký tối thiểu mà sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (trừ học kỳ cuối) được quy định như sau:

a) Đối với sinh viên học theo phương thức chính quy:

- 13 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;
- 10 tín chỉ đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

Lưu ý: Không hạn chế khối lượng tín chỉ đăng ký đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

b) Đối với sinh viên học theo phương thức không chính quy:

- 12 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;
- 9 tín chỉ đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

Lưu ý: Không hạn chế khối lượng tín chỉ đăng ký đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

2. Sinh viên phải thực hiện việc đăng ký các học phần sẽ học trong học kỳ và hoàn tất nghĩa vụ đóng học phí trong thời hạn quy định của Học viện.

3. Trong trường hợp sinh viên vì lý do bất khả kháng và có đơn trình bày, Học viện sẽ xem xét và chấp thuận cho sinh viên được đăng ký theo học và thi các môn còn thiếu (với số lượng tín chỉ tương đương) tại các lớp chính quy.

Điều 13. Đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt

1. Đăng ký học lại

a) Sinh viên có học phần bắt buộc dưới 5,0 điểm phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo.

b) Sinh viên có học phần tự chọn dưới 5,0 điểm phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký đổi sang học phần tự chọn tương đương khác được quy định trong chương trình đào tạo của ngành học.

2. Đăng ký cải thiện

Sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện những học phần có điểm dưới 6,5 để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy trong vòng 02 học kỳ tiếp theo. Khi đăng ký học cải thiện điểm, sinh viên được lấy điểm học phần cao nhất.

3. Đăng ký học vượt

a) Sinh viên được đăng ký các học phần học vượt khi đảm bảo các điều kiện sau: đã học xong năm học thứ nhất; điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 6,5 trở lên; không thuộc diện cảnh báo học vụ; không thuộc diện bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên; đã hoàn thành các học phần tiên quyết và tham gia các học phần học trước (nếu có) của học phần đăng ký học vượt.

b) Sinh viên được rút ngắn thời gian học ở trường so với thời gian quy định cho toàn khóa học nhưng không được quá 01 học kỳ. Trường hợp sinh viên đang học vượt, nếu có điểm trung bình chung học tập của học kỳ học vượt đạt dưới 6,5 thì phải dừng học vượt ở học kỳ tiếp theo.

c) Sinh viên được đăng ký học vượt không quá 07 tín chỉ trong một học kỳ.

Điều 14. Tổ chức lớp

1. Sinh viên học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian với cùng một giảng viên được tổ chức thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

2. Sinh viên cùng khoá, được tổ chức thành những lớp khoá học. Lớp khoá học cũng được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

Điều 15. Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp

1. Cố vấn học tập dành cho các lớp theo phương thức đào tạo chính quy do Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng Khoa chuyên ngành.

2. Chủ nhiệm lớp dành cho các lớp theo phương thức đào tạo vừa làm vừa học do Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

3. Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp hoạt động theo nội dung được quy định trong Quy định về cố vấn học tập và các quy định khác có liên quan của Học viện.

Điều 16. Điều kiện để chuyển trường, chuyển ngành

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi cho việc học tập.

- Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học.

- Được sự đồng ý của Giám đốc Học viện Cán bộ cho phép chuyển trường và Hiệu trưởng trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào Học viện hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

- Nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.

- Là sinh viên năm cuối khoá.

- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Hồ sơ nộp tại Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

4. Thí sinh trúng tuyển vào những ngành có số lượng sinh viên quá ít không mở được lớp thì được chuyển sang ngành học có cùng môn thi, nếu có nguyện vọng.

Điều 17. Tạm dừng học tập

1. Sinh viên được tạm dừng học tập nếu có lý do chính đáng, cụ thể:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm đau hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Bị điều động công tác;

d) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất được một học kỳ và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học không dưới 5,00.

Muốn được chấp nhận tạm dừng học tập, sinh viên phải nộp đơn tại phòng Quản lý Đào tạo và phải có quyết định chấp thuận tạm dừng học của Giám đốc Học viện.

2. Thời gian tạm dừng học tập vẫn tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khoá học, ngoại trừ thời gian sinh viên thi hành nghĩa vụ quân sự.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại tiếp tục học tại Học viện phải nộp đơn gửi Giám đốc Học viện ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 18. Cảnh cáo học vụ, buộc thôi học

1. Sinh viên sẽ bị cảnh cáo học vụ nếu vi phạm một trong những điều sau:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
- Không đạt số tín chỉ tối thiểu do Học viện quy định cho ngành đào tạo trong một học kỳ.
- Có điểm trung bình học kỳ đầu dưới 3.0 hoặc điểm trung bình chung tích lũy của 2 học kỳ liên tiếp dưới 4.0.

2. Sinh viên vi phạm một trong những điều sau Học viện ra quyết định đình chỉ học tập và xoá tên khỏi danh sách sinh viên khi:

- Hết thời gian tối đa hoàn thành khoá học;
- Tự ý bỏ học từ một học kỳ trở lên;
- Có điểm trung bình học kỳ bằng 0 (không) ở một học kỳ;
- Sau thời hạn bị cảnh cáo học vụ vẫn vi phạm các quy định của Khoản 1, Điều 18 của Quy định này;
- Vi phạm quy chế học vụ và các quy định khác của Học viện đến mức buộc thôi học;
- Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ;
- Một số trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc quy định cụ thể;

Khi sinh viên có quyết định đình chỉ học tập, Học viện thông báo trả sinh viên về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú;

Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập, nếu có nguyện vọng chuyển trường hay chuyển xuống các bậc đào tạo thấp hơn phải làm đơn để Học viện xét cụ thể từng trường hợp.

3. Học viện có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên buộc thôi học biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định thôi học.

CHƯƠNG III KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Học phần lý thuyết:

- Dự đủ giờ lên lớp theo yêu cầu của giảng viên phụ trách học phần.
- Dự đủ các đợt kiểm tra giữa học phần và các buổi thảo luận ở lớp.

2. Học phần thực hành:

- Dự đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
- Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực tập.

Giảng viên phụ trách học phần là người quyết định danh sách sinh viên được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ sau.

Điều 20. Đánh giá kết quả học tập của học phần

1. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần. Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc môn học, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

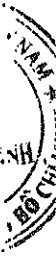
- a) Điểm kiểm tra giữa học phần.
- b) Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- c) Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- d) Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần quy định. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của giảng viên về việc lên lớp, làm bài tập thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm 0 (không) cho điểm thành phần tương ứng.

2. Học phần có điểm từ 5.0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

3. Sinh viên được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành thứ nhất có giờ học tương đương hoặc lớn



hơn so với chương trình đào tạo của ngành thứ hai, đạt điểm từ **5.0** trở lên và không quá 5 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đến thời điểm bắt đầu mở môn học đó.

4. Cách tính điểm cuối cùng của một học phần được quy định tại Điều 25 của quy chế này.

Điều 21. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

1. Trong mỗi học kỳ, Học viện chỉ tổ chức một kỳ thi chính ngay sau khi kết thúc học kỳ, không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo. Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo cho sinh viên ít nhất **01 tháng** trước khi thi.

2. Không tổ chức thi lại cho những sinh viên đã dự thi không đạt yêu cầu hoặc vắng thi.

Điều 22. Điểm chưa/không hoàn tất học phần

1. Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, chuyện cá nhân v.v.), sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm I - *điểm chưa hoàn tất học phần*. Sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho giảng viên phụ trách học phần và cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp. Trường hợp không được chấp thuận, sinh viên sẽ bị điểm 0 (không) cho học phần đó.

2. Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp lập Phiếu báo thi kết thúc học phần gửi về Phòng Quản lý đào tạo (*Bộ phận Khảo thí*) và lưu ý các trường hợp nhận điểm I.

3. Sinh viên được chấp thuận nhận điểm I, sinh viên có nghĩa vụ xin trả điểm I (xin được thi kiểm tra cuối học phần cùng lớp khác) trong thời gian của khoá học. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Quá thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm 0 (không).

Điều 23. Điểm bảo lưu, điểm tạm thời

1. Điểm bảo lưu là điểm mà sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở chương trình đào tạo chính quy tại Học viện hoặc tại các trường đại học khác trong thời gian không quá 5 năm. Số điểm học phần đó sẽ là điểm mà sinh viên đã thi đạt và kèm theo ký hiệu bảo lưu (BL).

Sinh viên được bảo lưu môn học từ các trường đại học khác với các điều kiện:

a) Học xong chương trình đào tạo đại học, có bằng tốt nghiệp và bằng điểm chính thức thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Môn học được bảo lưu là môn học có trong chương trình học của Học viện và phải có số đơn vị học trình bằng hoặc lớn hơn số đơn vị học trình của Học viện.

c) Kết quả môn học xin bảo lưu phải đạt từ 5 điểm trở lên và phải có hồ sơ bằng điểm hợp lệ.

d) Thời gian được bảo lưu môn học đó phải không vượt quá 5 năm tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đến thời điểm bắt đầu mở môn học đó.

e) Muốn được bảo lưu môn học sinh viên phải làm hồ sơ (1) đơn xin bảo lưu môn học (2) bản sao bằng tốt nghiệp đại học có chứng thực (3) bảng điểm có chứng thực nộp phòng Quản lý Đào tạo trình Giám đốc ra quyết định công nhận môn học được bảo lưu.

f) Môn được bảo lưu chỉ được dùng cho việc tính số đơn vị học trình mà sinh viên đó tích lũy, nhưng không được tính vào điểm trung bình chung của năm học hoặc khóa học đó.

2. Điểm tạm thời là điểm mà sinh viên đã đạt được kết quả một học phần nào đó ở một trường đại học khác mà điểm cụ thể chưa được xác định. Trong trường hợp đó, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy định điểm tạm thời bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.

Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm bảo lưu, hoặc điểm tạm thời nói trên, sinh viên phải đăng ký thi học phần đó. Điểm BL và điểm M không tham gia tính vào điểm trung bình học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình tích lũy.

Điều 24. Điểm trung bình học tập, điểm trung bình tích lũy

1. Điểm trung bình học tập của mỗi học kỳ (gọi tắt là điểm học kỳ) hay điểm trung bình học tập của khoá học (gọi tắt là điểm khoá học) là điểm tính theo kết quả thi của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tại Học viện (không tính điểm BL, điểm M).

2. Điểm trung bình tích lũy của mỗi học kỳ, khoá học là điểm tính theo kết quả thi của các học phần đạt từ điểm 5.0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại Học viện (kể cả các học phần bảo lưu).

Cách tính điểm trung bình chung và trung bình tích lũy được quy định tại Điều 25 của Quy định này.

3. Học phần có kết quả thi từ điểm 5.0 trở lên được bảo lưu.

4. Không tính kết quả thi các học phần Ngoại ngữ, Tin học vào điểm trung bình học tập hoặc điểm trung bình tích lũy. Việc đánh giá đủ điều kiện đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ chương trình đào tạo đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định theo Quyết định số 305-QĐ/HVCB ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Học viện Cán bộ về ban hành Quy định tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong chương trình đào tạo đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 25. Cách tính điểm trung bình, xếp loại học tập

1. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 0,5.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính đến 2 chữ số thập phân.



3. Điểm trung bình học kỳ (TBHK) và điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) được tính theo thang điểm 10, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

Trong đó:

A = là điểm TBHK hoặc điểm TBCTL

a_i = là điểm của môn học thứ i

n_i = là số tín chỉ của môn học thứ i

n = là tổng số môn học

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Điểm TBHK được dùng để xét khen thưởng sau mỗi học kỳ, được tính theo kết quả điểm môn học ở lần thứ nhất.

Điểm TBHK và điểm TBCTL được dùng để phân loại kết quả học tập, xử lý học vụ và xếp loại tốt nghiệp, được tính theo điểm môn học cao nhất trong các lần học.

Điểm X (miễn học - bảo lưu) và các điểm đặc biệt khác không được tính trong điểm TBHK.

4. Xếp loại kết quả học tập

a) Loại đạt

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 9,0 đến 10	A ⁺	4	Xuất sắc
2	Từ 8,5 đến dưới 9,0	A	3,7	Giỏi
3	Từ 8,0 đến dưới 8,5	B ⁺	3,5	
4	Từ 7,0 đến dưới 8,0	B	3	Khá
5	Từ 6,0 đến dưới 7,0	C ⁺	2,5	Trung bình khá
6	Từ 5,5 đến dưới 6,0	C	2	Trung bình
7	Từ 5,0 đến dưới 5,5	D ⁺	1,5	

b) Loại không đạt

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 4,0 đến dưới 5,0	D	1	Yếu
2	Dưới 4,0	F	0	Kém

Điều 26. Kiểm tra, thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Việc kiểm tra giữa học phần, kiểm tra thực tập do giảng viên phụ trách học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố.

2. Hình thức thi học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp (hoặc kết hợp giữa các hình thức trên) do Trường khoa quyết định theo đề nghị của Trường bộ môn.

3. Kết quả thi phải được công bố chậm nhất là 30 ngày sau mỗi kỳ thi.

Điều 27. Chấm phúc khảo

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc khảo kết quả thi. Đơn xin phúc khảo kết quả thi được gửi đến Phòng Quản lý Đào tạo trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc khảo đều phải đóng lệ phí do Học viện quy định.

Sau khi chấm phúc khảo, nếu điểm được nâng lên cao hơn trước thì Trường khoa hoặc Trường Phòng Quản lý Đào tạo phải đề nghị một cán bộ thứ hai có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Trường khoa ký tên xác nhận mới được công bố.

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra

1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong khi thi, chấm thi được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong các đợt kiểm tra học kỳ, thi kết thúc học phần, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm.

3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm trở lên đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

Điều 29. Cấp bằng điểm

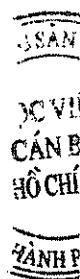
Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị cấp bằng điểm để biết được kết quả học tập của mình. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm cấp bằng điểm theo yêu cầu và đúng thời gian quy định. Sinh viên phải làm đơn và nộp lệ phí để được cấp bằng điểm.

CHƯƠNG IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 30. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Cuối khoá học, sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên (tính đến thời điểm xét tốt nghiệp);
- Tích lũy đủ số học phần quy định của chương trình giáo dục;
- Điểm TBCTL của toàn khoá học phải đạt từ 5,0 trở lên.



- Có các chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học đảm bảo đạt chuẩn đầu ra theo quy định về thực hiện chuẩn đầu ra về tin học, ngoại ngữ chương trình đào tạo đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Giám đốc Học viện làm Chủ tịch hoặc Phó Giám đốc Học viện phụ trách đào tạo đại học được Giám đốc uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Quản lý đào tạo là Thường trực hội đồng, Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị, Trưởng các khoa/bộ môn có liên quan là uỷ viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 31. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm TBCTL của các môn học quy định cho ngành đào tạo. Cách phân loại được quy định tại Khoản 4, Điều 25, của Quy định này.

3. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt xuất sắc, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một bậc nếu rơi vào một trong các Học viện hợp sau:

- Có thời gian học tập vượt quá 1 học kỳ so với thời gian thiết kế.
- Có khối lượng các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo cấp Học viện trở lên.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần và trong từng học kỳ.

Điều 32. Bảo lưu kết quả học tập

1. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa cho phép học ở bậc đại học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5.0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học quy định tại Điều 6 của Quy chế này, sinh viên được trở về Học viện đăng ký học và thi lại cho những học phần bị điểm dưới 5.0.

2. Những sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Học viện.

CHƯƠNG V KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 33. Hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng cho những tập thể và cá nhân sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua của cả nước, ngành Giáo dục và Học viện phát động.

2. Nội dung và mức khen thưởng do Giám đốc Học viện quy định theo từng trường hợp cụ thể, phù hợp với điều kiện của Học viện và thông báo công khai.

Điều 34. Xử lý kỷ luật

1. Sinh viên mắc khuyết điểm vi phạm quy chế, nội quy hoặc vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, tác hại của hành vi sai phạm được điều chỉnh bởi những quan hệ pháp lý và hình thức kỷ luật như sau:

- Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên có những khuyết điểm mức độ nhẹ, có tính chất nhất thời, không chiếm đa số trong tổng số hành vi.

- Cảnh cáo: áp dụng đối với những trường hợp bị khiển trách hoặc vi phạm khuyết điểm lần đầu nhưng tương đối nghiêm trọng.

- Đình chỉ học tập có thời hạn từ một học kỳ trở lên: áp dụng với những trường hợp đã bị cảnh cáo nhưng vẫn tiếp tục vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng nghiêm trọng.

- Buộc thôi học: ngoài những sinh viên buộc phải thôi học được quy định ở Khoản 2 Điều 18 của Quy chế này, hình thức kỷ luật buộc thôi học được áp dụng đối với những sinh viên vi phạm khuyết điểm đã nhiều lần giáo dục mà không sửa chữa, hoặc vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng gây ảnh hưởng xấu đến Học viện và xã hội, vi phạm pháp luật bị án tù. Đối với sinh viên bị kỷ luật buộc thôi học thì kết quả học tập bị hủy.

- Thu hồi và hủy bỏ bằng tốt nghiệp đối với những trường hợp sau khi tốt nghiệp bị phát hiện là do vi phạm quy chế, gian lận trong học tập, thi cử để có được kết quả học tập hoặc sử dụng văn bằng chứng chỉ giả để được vào học.

2. Các hình thức kỷ luật trên được Hội đồng kỷ luật Học viện xem xét và đề nghị Giám đốc Học viện ra quyết định xử lý kỷ luật và thông báo công khai.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực theo Quyết định ban hành của Giám đốc Học viện.
2. Quy chế này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng phòng Quản lý đào tạo; trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Giám đốc Học viện xem xét điều chỉnh để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Học viện.

HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ



